|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KONTUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 351 /BC-UBND | *Kon Tum, ngày 27 tháng 12 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

|  |
| --- |
| **Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh về các nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp bất thường năm 2019** |

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh về các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp bất thường năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung như sau:

**1. Tờ trình dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[1]](#footnote-1))** *(sau đây gọi tắt là Đề án)*

***\* Ban Văn hóa – Xã hội có ý kiến*:** Dự thảo nghị quyết không đặt ra các vấn đề trái với các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn quy định về lĩnh vực tín dụng chính sách; phù hợp với các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. Tuy nhiên, hồ sơ để thẩm tra còn thiếu báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau*:** Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết; đồng thời, ban hành Quyết định thông qua các chính sách trong Đề án tại Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; các Bộ ngành Trung ương, Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thẩm định của Sở Tư pháp và từng thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 323/BC-STP ngày 04 tháng 11 năm 2019([[2]](#footnote-2)) và các ý kiến tham gia, Cơ quan chủ trì đã hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ 9 tại Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019.

Tiếp thu ý kiến của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ 9([[3]](#footnote-3)), Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo cơ quan chủ trì hoàn thiện lại dự thảo Nghị quyết theo hướng thu hẹp lại đối tượng cho vay để tránh việc trục lợi chính sách và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương; điều chỉnh điều kiện xét cho vay vốn cho phù hợp với đối tượng cho vay; nâng thời hạn cho vay lên thành 24 tháng để giảm áp lực trả nợ cho người vay vốn; bỏ đối tượng cho vay sản xuất, kinh doanh để phù hợp với mục tiêu của Đề án. Các nội dung khác như: Mức cho vay, lãi suất cho vay, nguồn vốn cho vay giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội([[4]](#footnote-4)). Đối với các nội dung còn lại sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa vào Đề án trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và tiếp thu ý kiến của Tổ Đại biểu tại kỳ họp lần này.

Như vậy, dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp bất thường lần này là trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ 9. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2015 không quy định phải bổ sung báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp sau khi tiếp thu ý kiến của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp trước. Bên cạnh đó, tại Báo cáo thẩm tra nêu trên, Ban Văn hóa – Xã hội đã khẳng định dự thảo Nghị quyết không đặt ra các vấn đề trái với các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn quy định về lĩnh vực tín dụng chính sách, phù hợp với các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. Như vậy, hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

***\* Ban Văn hóa – Xã hội có ý kiến*:** Hộ nghèo, cận nghèo sau điều tra, rà soát do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý bao gồm cả hộ có hộ khẩu thường trú và hộ đăng ký tạm trú, tạm vắng tại địa phương từ 6 tháng trở lên. Nếu Đề án ràng buộc có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi cho vay thì hộ nghèo, cận nghèo chỉ có đăng ký tạm trú, tạm vắng sẽ không được xét cho vay theo Đề án khi có nhu cầu. Như vậy, cùng đối tượng nhưng không công bằng trong việc áp dụng chính sách. Do đó, Ban đề nghị điều chỉnh lại điều kiện xét vay vốn và bổ sung điều kiện này vào dự thảo Nghị quyết với nội dung như sau:

*“- Đối với hộ nghèo, cận nghèo: Phải trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý.*

*- Đối với hộ thoát nghèo: Có văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận là hộ thoát nghèo.*

*- Đối với hộ có mức sống trung bình: Phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi cho vay*”.

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau*:** Đề án cho vay tiêu dùng là một chính sách đặc thù riêng của tỉnh Kon Tum với thủ tục cho vay đơn giải nên rất dễ bị trục lợi chính sách như việc: Một số hộ thường trú tại các tỉnh khác biết đến chính sách của tỉnh Kon Tum chuyển đến tạm trú tại địa phương để hưởng lợi chính sách, sau đó bỏ đi khỏi địa phương... Tiếp thu ý kiến của một số đại biểu tại Kỳ họp thứ 9 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung thêm điều kiện cho vay vốn là “hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi cho vay” trong Đề án để tránh việc trục lợi chính sách.

Hiện nay, Ngân hàng Chính sách xã hội đang còn 235 trường hợp nợ bỏ đi khỏi địa phương với số tiền 5.696 triệu đồng chưa được xử lý (*do bỏ đi không có thông tin, địa chỉ cụ thể*), chiếm 86,5% tổng dư nợ quá hạn. Do đó, để bảo toàn và phát triển nguồn vốn và giảm tỷ lệ nợ xấu quá hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giữa nguyên đối tượng áp dụng và điều kiện xét vay vốn như dự thảo Nghị quyết trình.

Trong trường hợp hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo do Ủy ban nhân dân xã quản lý hoặc công nhận có mong muốn sinh sống ổn định, lâu dài tại tỉnh Kon Tum để được hưởng lợi chính sách của Đề án này có thể làm thủ tục chuyển hộ khẩu về thường trú tại địa phương nơi cho vay trên địa bàn tỉnh. Trường hợp các hộ trên không làm thủ tục chuyển hộ khẩu vẫn được vay vốn các chương trình tín dụng chính sách của Trung ương tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

Đối với việc bổ sung điều kiện xét vay vốn vào dự thảo Nghị quyết, tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

*“- Hộ gia đình gặp khó khăn đột xuất về tài chính cần nguồn vốn để khắc phục ngay, có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi cho vay trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

*- Có khả năng tài chính để trả nợ khi đến hạn.*

*- Người vay vốn phải chịu trách nhiệm trong mọi quan hệ với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay, là người trực tiếp ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ, trả lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo cam kết*”.

\* ***Ban Văn hóa – Xã hội có ý kiến*:** Điều chỉnh cụm từ “ chưa vay vốn” thành “không có dư nợ” tại mục 10.1 của Đề án.

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau*:** Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết và dự thảo Đề án cho vay tiêu dùng.

**2. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc sắp xếp, sát nhập, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[5]](#footnote-5))**

***\* Ban Pháp chế có ý kiến:*** Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Bộ Nội vụ không quy định việc tổ chức lại thôn, tổ dân phố mà chỉ quy định việc chia tách thôn, tổ dân phố. Trong đó, tại khoản 3 Điều 3 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV của Bộ Nội vụ quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố như sau: “*Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương*”.

Liên quan đến vấn đề này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương tách thôn Măng Đen thành 04 tổ dân phố và giữ nguyên hiện trạng các thôn còn lại thuộc thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông…; đồng thời giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chủ trương trên theo đúng quy định của pháp luật (*tại Công văn số 897-CV/TU ngày 18 tháng 11 năm 2019 về việc sắp xếp đối với các thôn của thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông*).

Từ những căn cứ nêu trên, Ban Pháp chế đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phân tích làm rõ thực tế hiện nay thôn Măng Đen thuộc thị trấn Măng Đen huyện Kon Plông đang hoạt động có ổn định hay không. Trong trường hợp thôn này đang hoạt động không ổn định, thì Ban Pháp chế đề nghị thực hiện việc chia tách thôn theo đúng quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV của Bộ Nội vụ và Công văn số 897-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:*** Thôn Măng Đen thuộc huyện Kon Plông là khu vực có địa bàn rộng và quy mô dân số lớn (1.070 hộ); là địa bàn đã và đang phát triển mạnh mẽ về du lịch. Cùng với quá trình phát triển, địa bàn này đang đặt ra nhiều vấn đề thách thức và dần phá vỡ tính ổn định trong việc quản lý như việc: Quản lý kinh tế; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư; phòng chống tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự công cộng và bảo vệ cảnh quan môi trường... Do đó, việc chia tách thôn Măng Đen để thành lập 04 tổ dân phố là hết sức cần thiết để đảm bảo công tác quản lý địa bàn, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội thị trấn Măng Đen và việc chia tách này đã được đại đa số cử tri trên địa bàn ủng hộ và thống nhất.

Từ nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thống nhất việc chia tách thôn Măng Đen thành 04 tổ dân phố để phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển thị trấn Măng Đen theo Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen và Quy hoạch chung đô thị Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013, đồng thời điều chỉnh cụm từ “tổ chức lại” thành “chia tách” để phù hợp với hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV.

***\* Ban Pháp chế có ý kiến:*** (i) Rà soát, điều chỉnh tên gọi các thôn, làng, tổ dân phố để bảo đảm tính chính xác; đồng thời chỉnh sửa các lỗi chính tả về tên các thôn, tổ dân phố theo ý kiến của cử tri được xác định trong đề án và tên gọi đã được pháp luật quy định([[6]](#footnote-6)). (ii) Sử dụng chung cụm từ “sắp xếp, sáp nhập” để bảo đảm tính thống nhất trong sử dụng từ ngữ, phù hợp thực tế và hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV của Bộ Nội vụ. (iii) Chỉ ban hành 01 Nghị quyết về sắp xếp, sáp nhập, chia tách và đổi tên thôn, tổ dân phố chung trên địa bàn toàn tỉnh; riêng đối với từng huyện, thành phố sẽ có phụ lục đính kèm để bảo đảm tính khái quát và chi tiết.

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:*** Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, chỉnh sửa lại dự thảo Nghị quyết.

**3. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum**([[7]](#footnote-7))

***\* Ban Kinh tế ngân sách có ý kiến*:** Đối với giá đất nông nghiệp tại các huyện có giá đất bình quân tăng cao so với giá Bảng giá đất 2015 - 2019([[8]](#footnote-8)), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích làm rõ yếu tố làm tăng giá đất nông nghiệp của các huyện, sự tác động đến tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất*.*

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:*** Bảng giá đất giai đoạn 2014-2019 theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá đất nông nghiệp khi xây dựng còn bất cập, có sự chênh lệch, giá đất nông nghiệp tại địa bàn các huyện thấp hơn nhiều so với thành phố Kon Tum.

Theo kết quả điều tra khảo sát, giá đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum và các huyện có tăng, nhưng không có sự chênh lệch lớn như giá đất tại Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, dẫn đến giá đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Kon Tum tăng nhẹ *(khoảng 6%)*, giá đất nông nghiệp tại các huyện có mức giá cũ thấp. Mặc dù, tỷ lệ % tăng cao nhưng mức giá tăng không cao, phù hợp với khung giá đất do Chính phủ ban hành và mức chênh lệch giá đất thực tế giữa các huyện và thành phố Kon Tum.

Giá đất quy định tại Bảng giá đất có hiệu lực trong 05 năm, không sử dụng để tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất, chỉ dùng để tính khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo quy định. Khi nhà nước thu hồi đất, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường đất cho từng dự án, phù hợp với giá đất trên thị trường tại thời điểm thu hồi đất.

***\* Ban Kinh tế ngân sách có ý kiến:*** Đề nghị báo cáo làm rõ về chênh lệch giá đất rừng sản xuất tại các địa phương.

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:*** Từ thực tế kết quả khảo sát, điều tra giá đất nông nghiệp và khắc phục những bất cập về giá đất trong bảng giá đất hiện hành, đảm bảo tỷ lệ chênh lệch giá đất giáp ranh giữa tỉnh Kon Tum với các tỉnh lân cận, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và điều chỉnh giá đất rừng sản xuất của các huyện, thành phố, như sau:

| **TT** | **Tên đơn vị hành chính** | **Giá đất 05 năm (2020 - 2024)**  *(đồng/m2)* |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thành phố Kon Tum | 9.000 |
| 2 | Huyện Đăk Hà | 8.000 |
| 3 | Huyện Đăk Tô | 7.500 |
| 4 | Huyện Đăk Glei | 7.000 |
| 5 | Huyện Ngọc Hồi | 8.000 |
| 6 | Huyện Tu Mơ Rông | 6.500 |
| 7 | Huyện Sa Thầy | 6.000 |
| 8 | Huyện Ia H’Drai | 6.000 |
| 9 | Huyện Kon Rẫy | 8.000 |
| 10 | Huyện Kon Plông | 7.000 |

***\* Ban Kinh tế ngân sách có ý kiến:*** **(i)** Đề nghị bổ sung Bảng giá đất kèm theo Nghị quyết và điều chỉnh các nội dung như: Bỏ các cột so sánh, bỏ giá đất 2015-2019; thống nhất đơn vị tính; tên xã *(xã Đăk Plô, huyện Đăk Glei)*; Bảng biểu giá đất nông nghiệp huyện Tu Mơ Rông lặp lại 02 lần *(02 số liệu khác nhau)*. **(ii)** Bổ sung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; rà soát đầy đủ các quy trình đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật trong việc xây dựng, ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh. **(iii)** Rà soát, hoàn thiện dự thảo nghị quyết đảm bảo theo kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật; bỏ Điều 2, Điều 3 dự thảo nghị quyết và bổ sung điều khoản Tổ chức thực hiện.

***\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:*** Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, đã hoàn chỉnh và bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định; đồng thời hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đề nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp bất thường năm 2019 xem xét./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TT HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Văn phòng HĐND tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - Lưu: VT, KTTH1,4. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  Đã ký  **Lê Ngọc Tuấn** |

1. () Tại Báo cáo thẩm tra số 40/BC-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Báo cáo chỉ thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-2)
3. () Tại Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. () Tại Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-4)
5. () Tại Báo cáo số 81/BC-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Như Đắk Klong *(Đăk Klong)* của xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà; thôn Đắk Văn III(*Đăk Văn*); thôn Đắk Linh *(Đăk Linh)* của xã Văn Xuôi; xã Đắk Hà (*Đăk Hà*); xã Đắk Na (*Đăk Na*) huyện Tu Mơ Rông; xã Đắk Xú *(Đăk Xú)* của huyện Ngọc Hồi; thôn Vi Pờ Ê *(Vi Pơ Ê)* của xã Pờ Ê, huyện Kon Plông; xã Đăk Kôi *(Đắk Kôi)* huyện Kon Rẫy và một số nơi khác [↑](#footnote-ref-6)
7. () Tại Báo cáo thẩm tra số 158/BC-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-7)
8. () Huyện Đăk Hà: Giá đất trồng cây hằng năm tăng 64-67%; Giá đất trồng cây lâu năm tăng 78-80%; Giá đất rừng sản xuất tăng từ 39-40%. Huyện Đăk Glei:Giá đất trồng cây hằng năm tăng 83-116%; Giá đất trồng cây lâu năm tăng 66,7-100%. [↑](#footnote-ref-8)